

Bản án số: 148/2024/HC-PT
Ngày 08 - 3 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 808/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 358/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/. Ông Ong Văn Đ, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường C, Khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường L, Khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân thành phố C.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Tứ H1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản số 157/GUQ-UBND ngày 13/12/2022). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Đặng Minh V – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số G đường N, Khóm A, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/. Ông Lê Quốc T – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C. (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chi cục thuế Khu vực I

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh B - Phó Chi cục trưởng (Văn bản ủy quyền số 1233/GUQ-CCTKV ngày 02/6/2023). (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A đường A, Khóm E, Phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Ong Văn Đ trình bày: Vào năm 1985 ông Đ sang của Công ty D thuộc Sở L gồm 01 nhà trước và nhà sau có chiều ngang 4m, chiều dài 19,9m với tổng diện tích 79,6m² tọa lạc số B đường H, khóm D, phường E. Từ khi sang đến nay không coi nói và lấn chiếm đất công. Trong thời gian quản lý sử dụng thì ông luôn đóng thuế sử dụng đất theo quy định của Nhà nước. Năm 2000 ông có sửa lại nhà trước thì có biên bản xác minh hiện trạng, nguồn gốc nhà đất. Còn nhà sau giữ nguyên. Theo bản đồ mục kê năm 1999 tổng diện tích là 78,7m². Sau khi kiểm kê đo đạc thực tế để giải tỏa là 83,30m². Do phần đất ông quản lý từ năm 1985 đến khi giải tỏa thì không có coi nói nên ông không phải chịu nộp thuế nhưng khi Ủy ban bồi thường theo bản án thì ông phải nộp 50% giá trị phần đất coi nói lấn chiếm là không đúng.

Người khởi kiện ông Phan Thanh H trình bày: Vào năm 1988 ông chuyển nhượng phần đất diện tích 132,2m² của bà Nguyễn Thị H2, làm nhà và sử dụng đến nay không tranh chấp. Do sử dụng từ năm 1988 nên đất ông thuộc diện giải tỏa thì không phải nộp thuế, Ủy ban ban hành văn bản số 2405 trả lời việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại, buộc ông phải chịu 50% thuế là không đúng.

Nay người khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2404/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (Viết tắt công văn số 2404); hủy Công văn số 2405/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (Viết tắt công văn số 2405); hủy 01 phần Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đối với phần “Đổi trừ giá trị đề nghị truy thu nghĩa vụ tài chính theo công văn số 85/CCTTT-HTNN-TB-TK ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế khu vực I” (Viết tắt Quyết định

số 229), hủy công văn số 85/CCTKV-TTBT ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế khu vực I.

Người bị kiện có ông Bùi Tử H1 đại diện trình bày: Ông Ong Văn Đ mua nhà hóa giá của Công ty D thuộc Sở L với diện tích toàn bộ căn nhà là 39,60m² tại thửa 365, tờ bản đồ số 16, trong quá trình quản lý sử dụng đến năm 1998 thì ông Đ có coi nói lấn chiếm đất sông B với diện tích 43,70m² nhưng không đăng ký mục kê và không có trên bản đồ. Đến năm 1999 thì ông Đ kê khai trên mục kê với diện tích 78,7m². Đối với phần đất ông Phan Thanh H chuyển nhượng của bà H2 vào năm 1988 diện tích 44m², còn lại diện tích 88,2m² là do ông H coi nói vào năm 1998.

Khi ông Đ và ông H bồi thường tái định cư thì phải truy thu nghĩa vụ tài chính là 50% giá trị bồi thường đối với phần đất coi nói lấn chiếm là 43,70m² và 88,2m² được quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và lệ phí trước bạ (sau đây gọi là nghĩa vụ tài chính) do cơ quan thuế xác định”. Theo Nghị định 45/NĐ-CP về việc thu tiền sử dụng đất, Chi cục thuế khu vực I đã xác định nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện đối với ông Ong Văn Đ là 200.398.500 đồng; ông Phan Thanh H là 402.849.000 đồng. Do đó việc truy thu thuế đối với ông Ong Văn Đ và ông Phan Thanh H theo Quyết định số 229 là đúng quy định của luật, ông Đ và ông H khiếu nại Quyết định số 229 nên Chủ tịch Ủy ban ban hành Công văn số 2404 và 2405 không chấp nhận khiếu nại của ông Đ và ông H là có căn cứ nên không chấp nhận theo yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế khu vực I trình bày: Cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp (truy thu) của ông Ong Văn Đ và ông Phan Thanh H là căn cứ thông tin địa chính và nguồn gốc đất Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C gửi đến (Công văn số 59/HĐBT ngày 03/11/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C và danh sách hộ gia đình, cá nhân kèm theo Công văn) và biên bản cuộc họp đại diện các ban ngành do Ủy ban nhân dân thành phố C chủ trì và áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất nên Chi Cục thuế Khu vực I phải ban hành Công văn số 85/CCTKV-TTBT ngày 17/01/2022.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H.

Hủy một phần Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án thực hiện theo Bản án số 377/2020/HC-PT và Bản án số 378/2020/HC-PT ngày 13/8/2020 đối với hộ ông Phan Thanh H và hộ ông Ong Văn Đ bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng nút giao thông đường B - đường H, tại trang 3 nội dung “Đối trừ giá trị đề nghị truy thu nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 85/CCT-TT-HTNNT-TB-TK ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế Khu vực I: 603.247.500(4); Kèm theo bảng tổng hợp chi trả cho 02 hộ gia đình, cá nhân”;

Hủy Công văn số 2404/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Công văn số 2405/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Công văn số 85/CCTKV-TTBT ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế Khu vực I;

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Ủy ban nhân dân thành phố C và Chi cục thuế Khu vực I thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông H với lý do như đã trình bày trong đơn kháng cáo và theo nguyên tắc bồi thường tại khoản 4 Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì các hộ dân chưa có giấy tờ bồi thường về đất đai đối với phần đất coi nói, lấn chiếm không đủ điều kiện bồi thường.

Người khởi kiện ông Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

-Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

-Về nội dung: Diện tích đất của ông Đ và ông H có yêu cầu có nguồn gốc là đất lấn chiếm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, ông Đ và ông H cũng không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định diện tích đất nói trên. Mặt khác, qua hệ thống bản đồ, sổ mục kê đo đạc chính lý thì vị trí đất bồi thường cho ông Đ, ông H thể hiện do Chi cục kiểm lâm quản lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và ông H là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C (do ông Bùi Tứ H1 đại diện theo ủy quyền) làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 229/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố C và Công văn số 2404/UBND-GPMB, 2405/UBND-GPMB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C giải quyết khiếu nại về nghĩa vụ tài chính đối với phần đất bị thu hồi. Với lý do phân diện tích đất ông Đ, ông H bị thu hồi được sử dụng là đất ở và đã sử dụng ổn định từ năm 1985, 1988.

[2.2]. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng trong phần đất thu hồi của hộ ông Đ có 43,7m² lấn chiếm đất sông B; trong phần đất thu hồi của hộ ông H có 88,2m² coi nôi, không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Vì vậy, khi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Đ, ông H thì phải truy thu nghĩa vụ tài chính là 50% giá trị bồi thường phần đất lấn chiếm và coi nôi.

[2.3]. Xét thấy, văn bản số 446/BC-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C có nội dung: *“Phần đất 03 hộ đang sử dụng (trong đó có hộ Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H)...do các hộ đã ở ổn định trước ngày 15/10/1993...”*. Tại Bản án số 13/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án số 377/2020/HC-PT ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Phan Thanh H; Bản án số 14/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án số 378/2020/HC-PT ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Ong Văn Đ đều thể hiện nội dung người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C xác định phần đất của ông Đ, ông H sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Ngoài ra tại biên bản xác minh hiện trạng, nguồn gốc nhà và đất ngày 12/5/2000 (BL 14) cũng thể hiện ông Đ xin sửa nhà trước, nhà sau không sửa, nguồn gốc nhà đất có từ năm 1985, có chính quyền địa phương xác nhận. Biên bản này có trước thời điểm ông Đ bị thu hồi đất. Do đó, có cơ sở xác định ông Đ, ông H sử dụng phần diện tích đất 43,7m² và 88,2m² trước thời điểm ngày 15/10/1993.

Theo Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất: *“Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (Cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.*

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở... từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ..., nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp đất có nhà ở thì người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng trong hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân... ”.

Ủy ban thành phố C xác nhận diện tích cấp cho hộ gia đình cá nhân đối với đất ở hạn mức là 150m². Do đó, phần diện tích đất của ông Đ, ông H nếu được cấp quyền sử dụng đất (43,7m² và 88,2m²) cũng không vượt hạn mức nên không phải nộp tiền sử dụng đất. Vì vậy, khi được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất thì không bị truy thu thuế đối với phần diện tích đất này.

[2.4]. Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 229 về việc phê duyệt phương án thực hiện theo Bản án số 377/2020/HC-PT và Bản án số 378/2020/HC-PT ngày 13/8/2020 đối với hộ ông Phan Thanh H và hộ ông Ong Văn Đ, bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng nút giao thông đường B - đường H có nội dung: “Đối trừ giá trị đề nghị truy thu nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 85/CCT-TT-HTNNT-TB-TK ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế Khu vực I: 603.247.500”, trong đó có phần của ông Đ là 200.398.500 đồng; ông H là 402.849.000 đồng. Đồng thời, ban hành Công văn số 2404, 2405 trả lời đơn của ông Ong Văn Đ và ông Phan Thanh H về việc truy thu nghĩa vụ tài chính khi Nhà nước thu hồi đất có nội dung diện tích 43,7m², 88,2m² đất do coi nói, lấn chiếm đất sông B sử dụng từ năm 1998 là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và quy định pháp luật đã viện dẫn trên.

[2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H.

Hủy một phần Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án thực hiện theo Bản án số 377/2020/HC-PT và Bản án số 378/2020/HC-PT ngày 13/8/2020 đối với hộ ông Phan Thanh H và hộ ông Ong Văn Đ bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng nút giao thông đường B - đường H, tại trang 3 nội dung “Đối trừ giá trị đề nghị truy thu nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 85/CCT-TT-HTNNT-TB-TK ngày 17/01/2022

của Chi cục thuế Khu vực I: 603.247.500(4); Kèm theo bảng tổng hợp chi trả cho 02 hộ gia đình, cá nhân”;

Hủy Công văn số 2404/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Công văn số 2405/UBND-GPMB ngày 27/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Công văn số 85/CCTKV-TTBT ngày 17/01/2022 của Chi cục thuế Khu vực I.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Ủy ban nhân dân thành phố C và Chi cục thuế Khu vực I thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Ong Văn Đ, ông Phan Thanh H không phải chịu 300.000 đồng. Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C phải chịu mỗi người là 300.000 đồng.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000367 ngày 28/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Đường sự (4);
- Lưu: HSVA(2), VP(3) 14B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy